



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 11 năm 2022)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 22/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..02/10../2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại www.kisvn.vn từ ngày chào bán

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Hoàng Anh Việt - Phòng Giải pháp phái sinh

Số điện thoại: 028.3914.8585 (Ext: 1114)

Email: viet.ha@kisvn.vn

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang số 1 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 11 năm 2022)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

- Tên chứng quyền: Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.09
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB.
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Loại chứng quyền: Mua.
- Kiểu thực hiện: châu Âu.
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Tiên.
- Thời hạn: 9 tháng.
- Ngày đáo hạn: 9 tháng kể từ ngày chào bán.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1.
- Giá thực hiện: Bằng hoặc cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày thông báo phát hành.
- Khoảng giá chào bán dự kiến: 1.000 - 1.100 đồng/chứng quyền.
- Tổng số lượng chào bán: 2.000.000 chứng quyền.
- Tổng giá trị chào bán dự kiến: 2.200.000.000 đồng.
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 1.100.000.000 đồng.

NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267

Website: www.home.kpmg/vn/vi/home.html

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 1 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 3 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 3 |
| IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ | 5 |
| V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM | 6 |
| VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM | 33 |
| VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM..... | 43 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỢT CHÀO BÁN | 46 |
| IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH | 46 |
| X. CAM KẾT | 47 |
| XI. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY, NGÂN HÀNG LƯU KÝ | 47 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.

- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cần trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- **Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi:** Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro đầu tư chung:** Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cân trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- **Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền:** Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.

- **Rủi ro về giá:** Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- **Rủi ro từ tính đòn bẩy:** Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị

trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.

- Rủi ro về thuế: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không thực hiện chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn được quy định theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm. Các trường hợp cụ thể được nêu tại mục 8, phần VI trong Bản cáo bạch này.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông: Park Won Sang, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.
- Bà: Trương Thị Kim Dung, Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Bà: Nguyễn Thao Giang, Chức vụ: Phó phòng Kiểm soát nội bộ.
- Ông: Lee Dong Hyun, Chức vụ: Trưởng phòng cấp cao phòng Giải pháp phái sinh.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi Bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền mua** là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số lượng chứng khoán cơ sở theo mức giá thực hiện hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Ngày giao dịch cuối cùng** là ngày giao dịch trước hai (02) ngày so với ngày đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm và là ngày cuối cùng mà chứng quyền còn được giao dịch. Trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết, ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền trùng với ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
- **Vị thế mở chứng quyền** của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn. Giá thanh toán do Sở Giao dịch Chứng khoán tính toán và công bố.

- Trường hợp xảy ra sự kiện doanh nghiệp của cổ phiếu cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền của sự kiện doanh nghiệp đó sẽ được điều chỉnh tương ứng với sự kiện doanh nghiệp đó.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam năm 2022 đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt kết quả tích cực sau thời gian 2 năm 2020-2021 tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế. Năm 2022, GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD, tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất giai đoạn 2011-2022. Nhờ mức độ lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước. Cán cân xuất nhập khẩu luôn được đảm bảo, nền tảng vĩ mô ổn định, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều khó khăn, bất ổn, nhiều nền kinh tế suy giảm tăng trưởng. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt được 732,5 tỷ USD cùng mức xuất siêu ấn tượng là 11,2 tỷ USD (năm trước 3,32 tỷ USD). Chỉ số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

Trong năm 2022, Thị trường Chứng khoán Việt Nam trải qua một năm đầy biến động, thăng trầm với những dấu ấn đậm nét. Khởi đầu năm 2022, VN-Index bất ngờ bứt phá, lần đầu tiên trong lịch sử đóng cửa 1.528,57 điểm vào ngày 06/01/2022. Không chỉ về mặt điểm số, thanh khoản thị trường cũng bùng nổ với hàng tỷ cổ phiếu được giao dịch mỗi phiên. Giá trị khớp lệnh thường xuyên vượt tỷ USD, đỉnh điểm vào ngày 10/01/2022 khi thanh khoản toàn thị trường vượt hơn 2 tỷ USD. Sự sôi động này có đóng góp lớn từ làn sóng nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường.

Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh, thị trường chứng khoán đã tạo đỉnh và bước vào nhịp điều chỉnh kéo dài từ tháng 4 đến hết năm 2022, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất năm 2022 đạt 911,9 vào ngày 15/11/2022.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm nhiều biến động song vẫn giữ được hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt, huy động vốn trên thị trường vẫn đạt được ở mức cao. Đa số các doanh nghiệp niêm yết đều hoạt động ổn định và có lãi.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Cùng với các kênh đầu tư hiện nay là cổ phiếu và hợp đồng tương lai chỉ số, chứng quyền có bảo đảm mang đến cho nhà đầu tư một cơ hội đầu tư mới với nhiều lợi thế nổi bật như: cố định khoản lỗ tối đa, tính đòn bẩy, chi phí đầu tư thấp, không phải ký quỹ giao dịch, giao dịch và thanh toán dễ dàng...

Chứng quyền là một sản phẩm phù hợp với các nhà đầu tư ưa thích rủi ro, trong đó tác động đòn bẩy chính là điểm hấp dẫn nhất của sản phẩm này. Với chi phí mua chứng quyền thấp, mức biến động của chứng quyền như là cổ phiếu cơ sở và tính chất đòn bẩy sẽ làm gia tăng tỷ suất lợi nhuận cho nhà đầu tư. Trong suốt thời hạn chứng quyền có hiệu lực, khi giá cổ phiếu cơ sở biến động đúng như dự đoán, nhà đầu tư sẽ thu được lợi nhuận rất lớn so với khoản chi phí đã đầu tư.

Việc đặt lệnh giao dịch mua, bán chứng quyền được thực hiện tương tự như giao dịch cổ phiếu. Những nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch cổ phiếu thông thường sẽ được sử dụng tài khoản này để giao dịch chứng quyền. Thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng cho chứng quyền tương tự như cổ phiếu. Sau khi sở hữu chứng quyền, nhà đầu tư có quyền bán lại chứng quyền thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Bên cạnh lợi ích được tạo ra bởi yếu tố đòn bẩy, nhà đầu tư cần hiểu được các rủi ro khi giao dịch chứng quyền đồng thời xác định được mức độ chấp nhận rủi ro của bản thân trước khi quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

a) Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được thành lập ngày 05/07/2007 theo Quyết định số 56/UBCK-GPIĐKD ngày 05/07/2007 với vốn điều lệ là 135 tỷ đồng, từ tháng 01/2015 KIS Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng. Công ty được đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ Ban Giám đốc và các chuyên viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm về môi trường kinh doanh và mạng lưới quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

- 17/07/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK.

- 17/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Quyết định số 57/QĐ-SGDHCM.

- 28/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN.

- 12/06/2008 Công ty Chứng khoán Gia Quyền là Công ty Đại chúng, theo Công văn số 1142/UBCK-QLPH ngày 13/06/2008 của UBCKNN.

- 20/06/2008 Thành lập và khai trương Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 439/QĐ-UBCK.

- 10/07/2008 Chi nhánh Hà Nội chính thức trở thành thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận số 34/GCNTVLK-CN.
- 18/08/2010 Phát hành tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 263,646 tỷ đồng theo Quyết định số 662/QĐ- UBCK và đợt phát hành tăng vốn hoàn tất vào ngày 17/12/2010 theo giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK.
- Ngày 21/3/2012 Công ty chính thức đổi lên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/03/2011. Ngày 24/03/2012 Công ty chính thức đổi tên của Chi nhánh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 265/QĐ-UBCK ngày 24/03/2011.
- Ngày 08/7/2011 Công ty chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011.
- Ngày 29/02/2012 Chi nhánh Hà Nội chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 193/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29/02/2012.
- Ngày 09/01/2015 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 01/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng.
- Ngày 22/04/2015 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 20/GPĐC-UBCK, bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Ngày 01/06/2015 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Bà Triệu theo Quyết định số 458/QĐ-UBCK.
- Ngày 08/07/2015 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương theo Quyết định số 577/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/07/2016 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Láng Hạ theo Quyết định số 671/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/09/2016 Thành lập và khai trương Phòng giao dịch Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 935/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/02/2017 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng từ ngày 03/01/2017.
- Ngày 09/08/2017 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 38/GPĐC-UBCK, thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Park Won Sang.
- Ngày 11/06/2018 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 42/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.897.011.000.000 đồng.
- Ngày 30/06/2020 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 35/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 2.596.316.050.000 đồng.

- Ngày 24/03/2021 Chi nhánh Hà Nội chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 152/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 24/03/2021.
- Ngày 24/03/2021 Phòng Giao dịch Láng Hạ chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 153/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 24/03/2021.
- Ngày 14/06/2021 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 42/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 3.761.579.550.000 đồng.
- Ngày 21/09/2022 Phòng Giao dịch Bà Triệu chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 708/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21/09/2022.
- Ngày 21/09/2022 Phòng Giao dịch Sài Gòn chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 709/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21/09/2022.
- Ngày 10/11/2022 Công ty điều chỉnh địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 108/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán cấp ngày 10/11/2022.
- Ngày 16/11/2022 Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 60/GCNTVLK-8 (Đăng ký thành viên lưu ký lần đầu ngày 18/07/2007; Đăng ký thay đổi thông tin thành viên lưu ký lần thứ tám ngày 16/11/2022).
- Ngày 18/11/2022 Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh (Sửa đổi) số 08/GCNTVBT-4 (Đăng ký thành viên bù trừ lần đầu ngày 07/06/2018; Đăng ký thay đổi thông tin thành viên bù trừ lần thứ tư ngày 18/11/2022).
- Ngày 01/12/2022 Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0305066125; Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 07 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 15: ngày 01 tháng 12 năm 2022).
- Ngày 07/07/2023 thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Quyết định 563/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 07/07/2023.

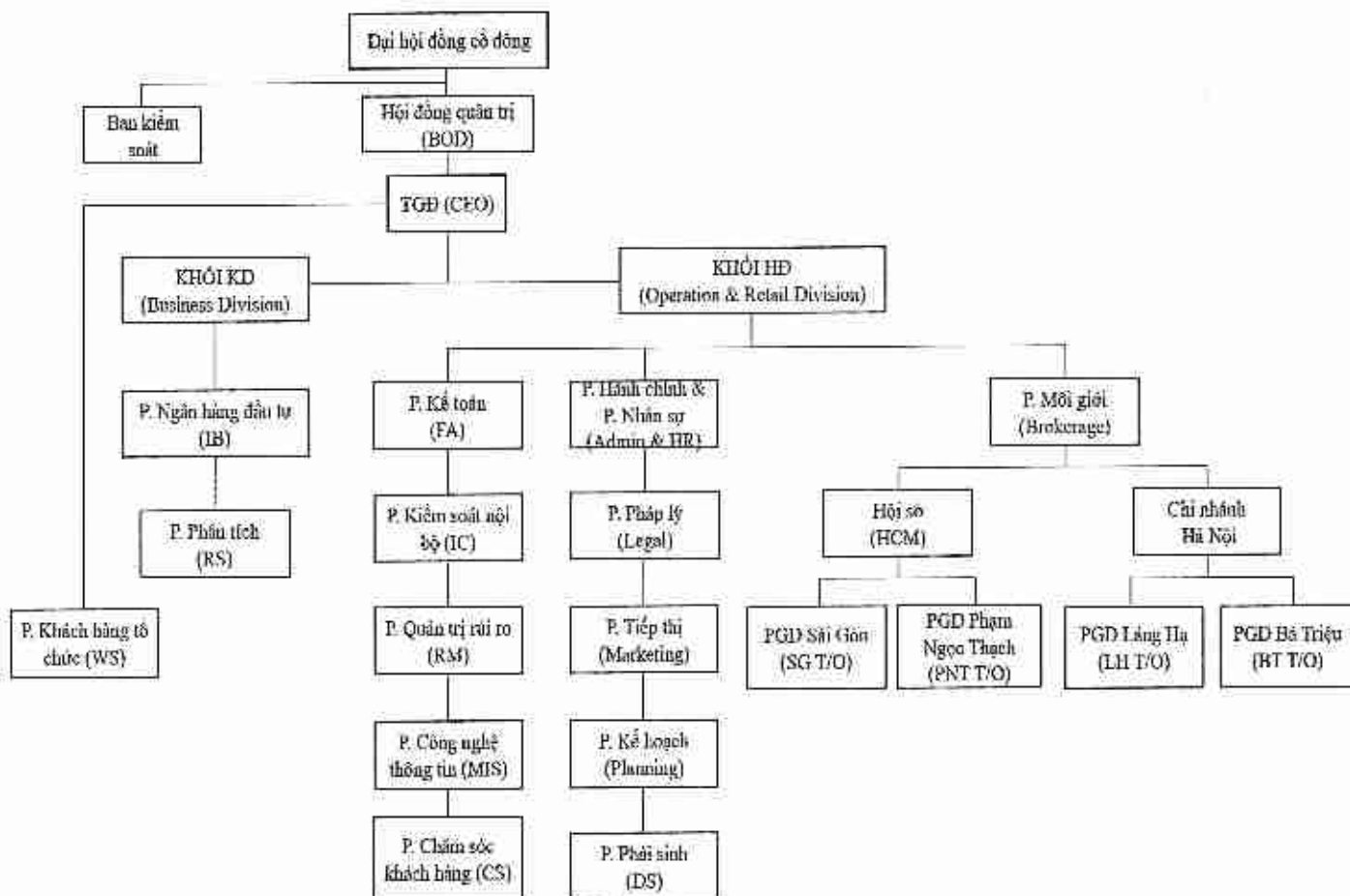
b) Cơ cấu tổ chức & cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

- Công ty có mô hình quản trị bao gồm Đại hội đồng Cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.
- Thẩm quyền cao nhất Công ty là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2018-2019 gồm 3 thành viên do ông Park Won Sang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

- Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, gồm 1 Tổng Giám đốc. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Giám đốc phụ trách Khối, Giám đốc Chi nhánh và các Trưởng bộ phận.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



c) Công ty mẹ của Công ty

| STT | Cổ đông | Địa chỉ liên lạc | Ngành nghề kinh doanh/ hoạt động | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|---|---|----------------------------------|--------------------------|---------------|
| 1 | Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc | 27-1 Yeouido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea. | Đầu tư tài chính, chứng khoán | 375.430.057 | 99,806% |

d) Danh sách người có liên quan của Công ty

- Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty

| STT | Họ và tên | Đơn vị công tác | Chức vụ | Số lượng cổ phần năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-------------------------------------|---------------------|--|----------------------------------|--------------------------|---------------|
| Thành viên Hội đồng quản trị | | | | | |
| 1 | Park Won Sang | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 0 | 0% |
| 2 | Lee Hun Woo | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Thành viên HĐQT | 0 | 0% |
| 3 | Park Ki Soon | Korea Investment & Securities Co.,Ltd. | Thành viên HĐQT | 0 | 0% |
| Ban Giám đốc | | | | | |
| 1 | Park Won Sang | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 0 | 0% |
| 2 | Lee Hun Woo | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Giám đốc khối Hoạt động | 0 | 0% |
| Kế toán trưởng | | | | | |
| 1 | Trương Thị Kim Dung | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Kế toán trưởng | 0 | 0% |

- Danh sách Ban kiểm soát của Công ty

| STT | Họ và tên | Đơn vị công tác | Chức vụ | Số lượng cổ phần năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|----------------------|--|--------------------------|--------------------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Thị Hoa | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Trưởng Ban kiểm soát | 0 | 0% |
| 2 | Nguyễn Thị Cẩm Thanh | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0% |
| 3 | Chun Sung Woo | Korea Investment & Securities Co.,Ltd. | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0% |

- Danh sách Cổ đông nắm giữ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

| STT | Họ và tên | Địa chỉ liên lạc | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|---|---|--------------------------|---------------|
| 1 | Korea Investment & Securities Co., Ltd. | 27-1 Yeouido-dong, Yeong Deungpo-gu, Seoul, Republic of Korea | 375.430.057 | 99,806% |

- Danh sách Người thực hiện công bố thông tin

| STT | Họ và tên | Đơn vị công tác | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|---------------|--|----------------------------------|--------------------------|---------------|
| 1 | Park Won Sang | Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 0 | 0% |

e) Thông tin về Ban Giám đốc của Công ty

| Vị trí | Họ tên | Tóm tắt lý lịch |
|---------------|---------------|--|
| Tổng Giám đốc | Park Won Sang | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc. ▪ Trình độ học vấn: Thạc sỹ. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 01/1991 - 12/1999: Nhân viên - Ngân hàng tín dụng Hàn Quốc. - 01/2000 - 05/2000: Nhân viên - Công ty Woori Camtech. - 06/2000 - 09/2003: Nhân viên - Công ty Winz Consulting. - 11/2003 - 03/2004: Nhân viên phòng Quản trị rủi ro - Công ty Chứng khoán Dongwon. - 04/2005 - 03/2006: Nhân viên phòng Quản trị rủi ro - Tập đoàn tài chính Dongwon. - 04/2006 - 02/2013: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 03/2013 - 12/2014: Trưởng phòng Chiến lược - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc. |

| | | |
|-------------------------|-------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - 01/2015 - 12/2015: Trưởng khu vực Bộ phận bán lẻ khu vực phía tây sông Hàn - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 01/2016 - 03/2017: Trưởng khu vực Bộ phận bán lẻ khu vực phía bắc sông Hàn - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 04/2017 - nay: Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam. |
| Giám đốc khối Hoạt động | Lee Hun Woo | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc. ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - 06/1999 - 12/2015: Phó giám đốc phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 02/2016 - nay: Giám đốc khối Hoạt động - Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam. |

f) Nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

| STT | Họ tên | Phòng ban | Chức vụ | Số năm kinh nghiệm |
|-----|------------------|---------------------|----------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Quỳnh Nga | Quản trị rủi ro | Trưởng phòng cấp cao | 16 năm |
| 2 | Hoàng Anh Việt | Giải pháp phái sinh | Trưởng phòng | 9 năm |

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

a) Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty

- Công ty đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán bao gồm:
 - + Môi giới chứng khoán;
 - + Tự doanh chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - + Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

| Chỉ tiêu (đơn vị: nghìn đồng) | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm | Bán niên năm 2023 |
|---------------------------------------|---------------|---------------|-------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 9.900.907.153 | 8.773.962.146 | -11,4% | 8.709.828.139 |
| Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh | 3.026.734.079 | 2.971.083.603 | -1,8% | 865.866.401 |
| Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh | 709.692.523 | 185.076.059 | -73,9% | 230.029.150 |
| Lợi nhuận khác | 1.153 | -56.736 | -5020,7% | 94.988 |
| Lợi nhuận trước thuế | 709.693.676 | 185.019.323 | -73,9% | 230.124.138 |
| Lợi nhuận sau thuế | 547.734.233 | 149.099.341 | -72,8% | 184.360.373 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

b) Danh sách các chứng quyền có bảo đảm Công ty đã phát hành tính đến ngày 15/08/2023.

i. Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành trên thị trường (Chứng quyền mua, kiểu thực hiện châu Âu).

| STT | Tên chứng quyền | Mã chứng quyền | Mã CKCS | Thời hạn (tháng) | Ngày đáo hạn | Tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành | Khối lượng chứng quyền niêm yết thực tế | Giá phát hành lần đầu (đồng) | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện (đồng) |
|-----|---------------------------------------|----------------|---------|------------------|--------------|--|---|------------------------------|------------------|----------------------|
| 1 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.06 | CMBB 2304 | MBB | 4 | 2/10/2023 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 8,4825: 1 | 13.006 |
| 2 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.07 | CMBB 2305 | MBB | 7 | 2/1/2024 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 8,4825: 1 | 14.419 |
| 3 | Chứng quyền. MWG.KIS.M .CA.T.03 | CMWG 2303 | MWG | 4 | 2/10/2023 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 19,8099 :1 | 31.035 |
| 4 | Chứng quyền. MWG.KIS.M .CA.T.04 | CMWG 2304 | MWG | 7 | 2/1/2024 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 19,8099 :1 | 33.676 |
| 5 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.03 | CTPB 2302 | TPB | 4 | 2/10/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 7,1875: 1 | 14.215 |

| | | | | | | | | | | |
|----|--|--------------|------|---|------------|-----------|-----------|-------|--------------|--------|
| 6 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.04 | CTPB 2303 | TPB | 7 | 2/1/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 7,1875: 1 | 15.812 |
| 7 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.06 | CVPB 2303 | VPB | 4 | 2/10/2023 | 2.400.000 | 2.400.000 | 1.000 | 16:1 | 15.777 |
| 8 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.07 | CVPB 2304 | VPB | 7 | 2/1/2024 | 2.400.000 | 2.400.000 | 1.000 | 16:1 | 16.999 |
| 9 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.16 | CHDB 2301 | IIDB | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,4815: 1 | 16.827 |
| 10 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.24 | CSTB 2304 | STB | 5 | 30/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 28.666 |
| 11 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.25 | CSTB 2305 | STB | 7 | 2/1/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.111 |
| 12 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.26 | CHPG 2308 | IIPG | 5 | 30/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 22.111 |
| 13 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.27 | CHPG 2307 | HPG | 7 | 2/1/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 22.666 |
| 14 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.18 | CVIC 2301 | VIC | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 53.979 |
| 15 | Chứng quyền. VIIM.KIS.M. CA.T.17 | CVHM 2301 | VHM | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 56.879 |
| 16 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.22 | CVRE 2302 | VRE | 5 | 30/10/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 28.666 |
| 17 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.18 | CVNM 2301 | VNM | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,6846: 1 | 66.715 |
| 18 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.16 | CNVL 2301 | NVL | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 13.456 |

| | | | | | | | | | | |
|----|--|---------------|------|---|------------|-----------|-----------|-------|------|--------|
| 19 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.10 | CPDR 2301 | PDR | 5 | 30/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 14.222 |
| 20 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.20 | CMSN 2301 | MSN | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 10:1 | 73.979 |
| 21 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.08 | CPOW 2301 | POW | 5 | 30/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 2:1 | 13.979 |
| 22 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.28 | CIIPG 2310 | IIPG | 4 | 2/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 23.222 |
| 23 | Chứng quyền. IIPG.KIS.M. CA.T.29 | CHPG 2311 | HPG | 6 | 1/12/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:1 | 21.234 |
| 24 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.30 | CIIPG 2312 | HPG | 7 | 2/1/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 23.777 |
| 25 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.31 | CHPG 2313 | HPG | 9 | 1/3/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 4:1 | 23.333 |
| 26 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.26 | CSTB 2307 | STB | 4 | 2/10/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.999 |
| 27 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.27 | CSTB 2308 | STB | 6 | 1/12/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 5:1 | 27.799 |
| 28 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.28 | CSTB 2309 | STB | 7 | 2/1/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 5:1 | 30.555 |
| 29 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.29 | CSTB 2310 | STB | 9 | 1/3/2024 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.200 | 5:1 | 30.333 |
| 30 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.21 | CMSN 2303 | MSN | 4 | 2/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 77.999 |
| 31 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.22 | CMSN 2304 | MSN | 6 | 1/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 10:1 | 75.678 |

| | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|--------------|------|---|------------|-----------|-----------|-------|--------------|--------|
| 32 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.23 | CMSN 2305 | MSN | 9 | 1/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 10:1 | 76.789 |
| 33 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.18 | CVHM 2303 | VIIM | 4 | 2/10/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 8:1 | 59.888 |
| 34 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.19 | CVHM 2304 | VHM | 6 | 1/12/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 8:1 | 53.555 |
| 35 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.20 | CVHM 2305 | VIIM | 9 | 1/3/2024 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 8:1 | 57.777 |
| 36 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.19 | CVNM 2302 | VNM | 4 | 2/10/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,6846: 1 | 69.944 |
| 37 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.20 | CVNM 2303 | VNM | 6 | 1/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 9,6846: 1 | 67.791 |
| 38 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.21 | CVNM 2304 | VNM | 9 | 1/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 9,6846: 1 | 68.760 |
| 39 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.23 | CVRE 2304 | VRE | 4 | 2/10/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 29.999 |
| 40 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.24 | CVRE 2305 | VRE | 6 | 1/12/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 5:1 | 27.111 |
| 41 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.25 | CVRE 2306 | VRE | 9 | 1/3/2024 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 5:1 | 29.333 |
| 42 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.17 | CNVL 2302 | NVL | 5 | 23/11/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 4:1 | 16.333 |
| 43 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.18 | CNVL 2303 | NVL | 9 | 25/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 17.333 |
| 44 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.19 | CVIC 2302 | VIC | 5 | 23/11/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 55.666 |

| | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|---------------|-----|----|------------|-----------|-----------|-------|--------------|--------|
| 45 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.20 | CVIC 2303 | VIC | 6 | 25/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 8:1 | 57.777 |
| 46 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.21 | CVIC 2304 | VIC | 9 | 25/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 8:1 | 59.888 |
| 47 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.17 | CHDB 2302 | HDB | 5 | 23/11/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,4815: 1 | 16.536 |
| 48 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.18 | CHDB 2303 | HDB | 6 | 25/12/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,4815: 1 | 17.504 |
| 49 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.19 | CHDB 2304 | HDB | 9 | 25/3/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,4815: 1 | 18.277 |
| 50 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.11 | CPDR 2302 | PDR | 5 | 23/11/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 18.666 |
| 51 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.12 | CPDR 2303 | PDR | 9 | 25/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 19.888 |
| 52 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.09 | CPOW 2302 | POW | 5 | 23/11/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 2:1 | 14.333 |
| 53 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.10 | CPOW 2303 | POW | 6 | 25/12/2023 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 2:1 | 15.333 |
| 54 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.11 | CPOW 2304 | POW | 9 | 25/3/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 2:1 | 16.333 |
| 55 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.30 | CSTB 2312 | STB | 12 | 24/6/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 5:1 | 33.333 |
| 56 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.31 | CSTB 2313 | STB | 15 | 23/9/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 5:1 | 35.555 |
| 57 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.32 | CHIPG 2315 | HPG | 12 | 24/6/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 4:1 | 27.777 |

| | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|---------------|-----|----|-----------|-----------|-----------|-------|--------------|--------|
| 58 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.33 | CIIPG 2316 | HPG | 15 | 23/9/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 4:1 | 28.888 |
| 59 | Chứng quyền HPG.KIS.M. CA.T.34 | CHPG 2317 | HPG | 8 | 26/2/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 4:1 | 26.888 |
| 60 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.35 | CHPG 2318 | HPG | 9 | 26/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 4:1 | 29.222 |
| 61 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.36 | CIIPG 2319 | HPG | 12 | 26/6/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 4:1 | 30.111 |
| 62 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.32 | CSTB 2314 | STB | 8 | 26/2/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 32.222 |
| 63 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.33 | CSTB 2315 | STB | 9 | 26/3/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 34.333 |
| 64 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.34 | CSTB 2316 | STB | 12 | 26/6/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 5:1 | 36.333 |
| 65 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.24 | CMSN 2306 | MSN | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 10:1 | 79.999 |
| 66 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.25 | CMSN 2307 | MSN | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.400 | 10:1 | 82.999 |
| 67 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.22 | CVNM 2305 | VNM | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 9,6846: 1 | 71.020 |
| 68 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.23 | CVNM 2306 | VNM | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 9,6846: 1 | 73.172 |
| 69 | Chứng quyền. VIC.KIS.M.C A.T.22 | CVIC 2305 | VIC | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 8:1 | 61.111 |
| 70 | Chứng quyền. VIC.KIS.M.C A.T.23 | CVIC 2306 | VIC | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 8:1 | 62.222 |

| | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|--------------|------|----|------------|-----------|-----------|-------|--------------|--------|
| 71 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.21 | CVHM 2306 | VIIM | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 8:1 | 60.666 |
| 72 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.22 | CVIM 2307 | VHM | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 8:1 | 62.666 |
| 73 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.26 | CVRE 2307 | VRE | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 5:1 | 30.333 |
| 74 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.27 | CVRE 2308 | VRE | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.300 | 5:1 | 31.333 |
| 75 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.19 | CNVL 2304 | NVL | 6 | 26/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 15.555 |
| 76 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.20 | CNVL 2305 | NVL | 12 | 26/6/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 16.999 |
| 77 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.13 | CPDR 2304 | PDR | 6 | 26/12/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 4:1 | 17.999 |
| 78 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.14 | CPDR 2305 | PDR | 12 | 26/6/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 4:1 | 20.222 |
| 79 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.12 | CPOW 2305 | POW | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 2:1 | 14.999 |
| 80 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.13 | CPOW 2306 | POW | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.400 | 2:1 | 15.999 |
| 81 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.20 | CHDB 2305 | HDB | 8 | 26/2/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 3,4815: 1 | 18.471 |
| 82 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.21 | CHDB 2306 | HDB | 12 | 26/6/2024 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 3,4815: 1 | 19.341 |

ii. Các chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết (Chứng quyền mua, kiểu thực hiện châu Âu).

iii. Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn (Chứng quyền mua, kiểu thực hiện châu Âu).

| STT | Tên chứng quyền | Mã chứng quyền | Mã CKCS | Thời hạn (tháng) | Ngày đáo hạn | Tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành | Khối lượng chứng quyền niêm yết thực tế | Giá phát hành lần đầu (đồng) | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện (đồng) |
|-----|---------------------------------------|----------------|---------|------------------|--------------|--|---|------------------------------|------------------|----------------------|
| 1 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.02 | CHPG 1906 | IIPG | 3 | 14/11/2019 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.500 | 2:1 | 28.088 |
| 2 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.01 | CVIC 1901 | VIC | 3 | 14/11/2019 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.960 | 5:1 | 140.888 |
| 3 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.01 | CVRE 1901 | VRE | 3 | 14/11/2019 | 5.100.000 | 5.100.000 | 1.900 | 2:1 | 40.888 |
| 4 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.01 | CMSN 1901 | MSN | 3 | 14/11/2019 | 1.800.000 | 1.800.000 | 1.920 | 5:1 | 88.888 |
| 5 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.01 | CHPG 1902 | HPG | 6 | 11/12/2019 | 12.000.000 | 12.000.000 | 1.000 | 5:1 | 41.999 |
| 6 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.01 | CVNM 1901 | VNM | 6 | 13/12/2019 | 14.000.000 | 14.000.000 | 1.200 | 10:1 | 156.285 |
| 7 | Chứng quyền. DPM.KIS. M.CA.T.01 | CDPM 1901 | DPM | 4 | 09/01/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.900 | 1:1 | 13.988 |
| 8 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.01 | CSTB 1901 | STB | 4 | 09/01/2020 | 4.500.000 | 4.500.000 | 1.390 | 1:1 | 10.888 |
| 9 | Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.01 | CNVL 1901 | NVL | 5 | 7/2/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.900 | 4:1 | 62.088 |
| 10 | Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.01 | CVHM 1901 | VHM | 5 | 7/2/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 3.100 | 4:1 | 89.888 |
| 11 | Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.01 | CSBT 1901 | SBT | 3 | 14/02/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.500 | 1:1 | 21.212 |
| 12 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.02 | CVNM 1902 | VNM | 6 | 26/3/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.840 | 10:1 | 133.333 |
| 13 | Chứng quyền. VJC.KIS. M.CA.T.01 | CVJC 1901 | VJC | 5 | 26/2/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.800 | 10:1 | 145.678 |
| 14 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.03 | CHPG 1909 | HPG | 6 | 15/05/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 1.800 | 2:1 | 24.680 |
| 15 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.02 | CMSN 1902 | MSN | 6 | 15/05/2020 | 7.000.000 | 7.000.000 | 3.000 | 5:1 | 77.889 |
| 16 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.02 | CVIC 1903 | VIC | 6 | 15/05/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 2.100 | 10:1 | 123.000 |
| 17 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.02 | CVRE 1903 | VRE | 6 | 15/05/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 2.700 | 2:1 | 35.789 |

| | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|--------------|-----|----|------------|------------|------------|-------|--------------|---------|
| 18 | Chứng quyền. ROS.KIS. M.CA.T.01 | CROS 2001 | ROS | 6 | 19/06/2020 | 20.000.000 | 20.000.000 | 1.500 | 4:1 | 26.468 |
| 19 | Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.01 | CHDB 2001 | HDB | 6 | 19/06/2020 | 5.000.000 | 3.000.000 | 2.000 | 2:1 | 29.099 |
| 20 | Chứng quyền. DPM.KIS. M.CA.T.02 | CDPM 2001 | DPM | 6 | 19/06/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.000 | 1,9333 :1 | 14.081 |
| 21 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.02 | CSTB 2001 | STB | 6 | 19/06/2020 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.500 | 1:1 | 10.999 |
| 22 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.05 | CHPG 2007 | HPG | 3 | 16/07/2020 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.660 | 1:1 | 22.999 |
| 23 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.04 | CMSN 2003 | MSN | 3 | 16/07/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.900 | 2:1 | 69.999 |
| 24 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.04 | CVIC 2002 | VIC | 3 | 16/07/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.350 | 5:1 | 108.888 |
| 25 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.05 | CVRE 2004 | VRE | 3 | 16/07/2020 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.940 | 1:1 | 29.999 |
| 26 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.06 | CHPG 2006 | HPG | 5 | 16/09/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 1.500 | 1,6362 :1 | 18.014 |
| 27 | Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.05 | CMSN 2002 | MSN | 5 | 16/09/2020 | 4.000.000 | 2.400.000 | 2.000 | 4:1 | 62.999 |
| 28 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.04 | CSTB 2003 | STB | 5 | 16/09/2020 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.360 | 1:1 | 11.111 |
| 29 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.03 | CVRE 2001 | VRE | 9 | 21/09/2020 | 8.000.000 | 4.800.000 | 1.500 | 4:1 | 36.789 |
| 30 | Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.04 | CVNM 2006 | VNM | 4 | 05/10/2020 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.530 | 8,0973 :1 | 106.327 |
| 31 | Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.03 | CHDB 2005 | HDB | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.080 | 3,0769 :1 | 21.020 |
| 32 | Chứng quyền. VJC.KIS. M.CA.T.03 | CVJC 2003 | VJC | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.670 | 10:1 | 123.456 |
| 33 | Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.03 | CVHM 2004 | VHM | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 900.000 | 1.490 | 10:1 | 86.868 |
| 34 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.05 | CVIC 2003 | VIC | 4 | 05/10/2020 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.670 | 10:1 | 103.050 |
| 35 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.05 | CSTB 2005 | STB | 5 | 03/11/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.080 | 2:1 | 11.811 |
| 36 | Chứng quyền. DPM.KIS.M. CA.T.03 | CDPM 2002 | DPM | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.700 | 0,9194 :1 | 14.022 |
| 37 | Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.02 | CHDB 2003 | HDB | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.700 | 1,2122 :1 | 19.469 |

| | | | | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|---------------|-----|----|------------|------------|------------|-------|--------------|---------|
| 38 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.04 | CHPG 2002 | HPG | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.700 | 1,6362:1 | 24.542 |
| 39 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.03 | CMSN 2001 | MSN | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.300 | 5:1 | 65.789 |
| 40 | Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.02 | CNVL 2001 | NVL | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.300 | 4:1 | 65.888 |
| 41 | Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.02 | CSBT 2001 | SBT | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.900 | 0,9686:1 | 20.447 |
| 42 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.03 | CSTB 2002 | STB | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.700 | 1:1 | 11.888 |
| 43 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.02 | CVIDM 2001 | VHM | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 3.100 | 5:1 | 94.567 |
| 44 | Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.03 | CVIC 2001 | VIC | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 3.800 | 5:1 | 126.468 |
| 45 | Chứng quyền. VJC.KIS. M.CA.T.02 | CVJC 2001 | VJC | 11 | 16/12/2020 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.400 | 10:1 | 173.137 |
| 46 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.03 | CVNM 2002 | VNM | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 3.200 | 4,0486 :1 | 114.261 |
| 47 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.04 | CVRE 2003 | VRE | 11 | 16/12/2020 | 3.000.000 | 1.800.000 | 3.000 | 2:1 | 37.999 |
| 48 | Chứng quyền. ROS.KIS. M.CA.T.02 | CROS 2002 | ROS | 8 | 16/12/2020 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 1:1 | 7.227 |
| 49 | Chứng quyền. CTD.KIS. M.CA.T.01 | CCTD 2001 | CTD | 8 | 16/12/2020 | 1.000.000 | 856.970 | 1.540 | 9,6226 :1 | 77.835 |
| 50 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.08 | CHPG 2017 | HPG | 6 | 18/02/2021 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 4:1 | 28.888 |
| 51 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.08 | CVRE 2010 | VRE | 6 | 18/02/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 29.999 |
| 52 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.01 | CKDH 2003 | KDH | 4 | 18/02/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 4:1 | 25.111 |
| 53 | Chứng quyền. TCH.KIS. M.CA.T.01 | CTCH 2002 | TCH | 4 | 18/02/2021 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.100 | 3,9020 :1 | 21.243 |
| 54 | Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.06 | CSTB 2006 | STB | 10 | 05/04/2021 | 2.000.000 | 1.200.000 | 1.580 | 2:1 | 12.888 |
| 55 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.07 | CHPG 2010 | HPG | 10 | 05/04/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.800 | 3,2724 :1 | 27.079 |
| 56 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.06 | CVRE 2007 | VRE | 10 | 05/04/2021 | 7.500.000 | 7.500.000 | 1.520 | 5:1 | 33.333 |
| 57 | Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.03 | CNVL 2002 | NVL | 9 | 10/03/2021 | 1.500.000 | 900.000 | 2.000 | 4,9438:1 | 59.215 |

| | | | | | | | | | | |
|----|--|--------------|------|----|------------|-----------|-----------|-------|---------------|---------|
| 58 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.05 | CVNM 2007 | VNM | 9 | 10/03/2021 | 2.000.000 | 1.200.000 | 2.400 | 8,0232 :1 | 111.432 |
| 59 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.04 | CHDB 2007 | HDB | 9 | 27/04/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.300 | 3,0304 :1 | 16.831 |
| 60 | Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.03 | CSBT 2007 | SBT | 9 | 27/04/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.700 | 1,9371 :1 | 15.495 |
| 61 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.04 | CVJC 2004 | VJC | 9 | 27/04/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 20:1 | 115.511 |
| 62 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.06 | CMSN 2007 | MSN | 9 | 27/04/2021 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.400 | 9,8817 :1 | 56.195 |
| 63 | Chứng quyền. VIIM.KIS.M. CA.T.04 | CVHM 2006 | VIIM | 9 | 27/04/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 20:1 | 84.888 |
| 64 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.06 | CVIC 2004 | VIC | 9 | 27/04/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 20:1 | 99.999 |
| 65 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.08 | CMSN 2014 | MSN | 4 | 02/03/2021 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.100 | 9,8817: 1 | 86.838 |
| 66 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.07 | CVNM 2016 | VNM | 4 | 02/03/2021 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.000 | 19,8170: 1 | 112.350 |
| 67 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.08 | CVIC 2007 | VIC | 4 | 02/03/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 20:1 | 111.222 |
| 68 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.09 | CSTB 2015 | STB | 4 | 02/03/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 2:1 | 13.979 |
| 69 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.10 | CSTB 2016 | STB | 6 | 04/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 2:1 | 14.141 |
| 70 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.05 | CHDB 2008 | HDB | 6 | 04/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,1516: 1 | 20.397 |
| 71 | Chứng quyền. EIB.KIS.M. CA.T.01 | CEIB 2001 | EIB | 4 | 05/04/2021 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 10:1 | 18.818 |
| 72 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.01 | CVPB 2017 | VPB | 4 | 05/04/2021 | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000 | 10:1 | 30.999 |
| 73 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.07 | CSTB 2007 | STB | 10 | 27/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 2:1 | 10.999 |
| 74 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.07 | CVRE 2009 | VRE | 10 | 27/05/2021 | 7.500.000 | 7.500.000 | 1.400 | 5:1 | 30.999 |
| 75 | Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.09 | CHPG 2018 | HPG | 9 | 14/05/2021 | 9.000.000 | 9.000.000 | 1.200 | 4:1 | 29.999 |
| 76 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.07 | CMSN 2009 | MSN | 9 | 14/05/2021 | 3.000.000 | 1.800.000 | 1.200 | 9,8817: 1 | 61.265 |
| 77 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.02 | CKDH 2001 | KDH | 7 | 14/05/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 4:1 | 26.222 |

| | | | | | | | | | | |
|----|--|---------------|------|----|------------|-----------|-----------|-------|---------------|---------|
| 78 | Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.02 | CTCH 2001 | TCH | 7 | 14/05/2021 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.400 | 3,9020: 1 | 22.327 |
| 79 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.04 | CNVL 2003 | NVL | 9 | 11/06/2021 | 9.500.000 | 9.500.000 | 1.000 | 7,2876: 1 | 46.625 |
| 80 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.08 | CSTB 2010 | STB | 9 | 11/06/2021 | 3.500.000 | 3.500.000 | 1.100 | 2:1 | 11.999 |
| 81 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.05 | CVHM 2008 | VHM | 9 | 11/06/2021 | 7.000.000 | 7.000.000 | 1.400 | 10:1 | 88.888 |
| 82 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.07 | CVIC 2005 | VIC | 9 | 11/06/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.500 | 10:1 | 106.868 |
| 83 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.05 | CVJC 2006 | VJC | 9 | 11/06/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 20:1 | 111.111 |
| 84 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.06 | CVNM 2011 | VNM | 9 | 11/06/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 16,057: 1 | 107.045 |
| 85 | Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.09 | CVRE 2011 | VRE | 9 | 11/06/2021 | 5.500.000 | 5.500.000 | 1.500 | 4:1 | 31.888 |
| 86 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.01 | CMBB 2102 | MBB | 4 | 12/08/2021 | 1.800.000 | 1.800.000 | 1.200 | 7,4074:1 | 25.531 |
| 87 | Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.05 | CTCH 2103 | TCII | 4 | 12/08/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 4:1 | 31.668 |
| 88 | Chứng quyền. IIPG.KIS.M. CA.T.11 | CHPG 2107 | HPG | 4 | 12/08/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.300 | 3,6761: 1 | 43.648 |
| 89 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.12 | CIIPG 2108 | IIPG | 4 | 12/08/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 3,6761:1 | 43.713 |
| 90 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.07 | CVHM 2106 | VHM | 4 | 12/08/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 10:1 | 118.668 |
| 91 | Chứng quyền. KDI.KIS.M. CA.T.03 | CKDH 2002 | KDH | 10 | 16/08/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 3,6364: 1 | 24.848 |
| 92 | Chứng quyền. TCH.KIS. M.CA.T.03 | CTCH 2003 | TCH | 10 | 16/08/2021 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.600 | 3,9020: 1 | 23.410 |
| 93 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.01 | CPDR 2101 | PDR | 4 | 27/08/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 5:1 | 88.888 |
| 94 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.06 | CHDB 2101 | HDB | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 4,0015: 1 | 23.919 |
| 95 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.04 | CKDH 2101 | KDH | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 4,5455: 1 | 30.302 |
| 96 | Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.04 | CTCH 2101 | TCH | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 3,3852: 1 | 20.875 |
| 97 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.09 | CMSN 2101 | MSN | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.050 | 19,8294: 1 | 99.146 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|---------------|------|---|------------|------------|------------|-------|---------------|---------|
| 98 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.10 | CMSN 2102 | MSN | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 19,8294: 1 | 110.163 |
| 99 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.11 | CSTB 2101 | STB | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 2:1 | 21.999 |
| 100 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.05 | CNVL 2101 | NVL | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 11,6602: 1 | 56.842 |
| 101 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.10 | CVRE 2101 | VRE | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.200 | 4:1 | 34.567 |
| 102 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.10 | CHPG 2101 | IIPG | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.050 | 2,9409: 1 | 34.473 |
| 103 | Chứng quyền. SBT.KIS.M. CA.T.04 | CSBT 2101 | SBT | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 5:1 | 24.666 |
| 104 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.09 | CVIC 2101 | VIC | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.000 | 17,7758: 1 | 112.777 |
| 105 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.08 | CVNM 2101 | VNM | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 19,2409: 1 | 122.072 |
| 106 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.06 | CVIIM 2101 | VHM | 9 | 22/09/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 12,1421: 1 | 81.115 |
| 107 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.06 | CNVL 2102 | NVL | 5 | 27/09/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 11,7928: 1 | 94.636 |
| 108 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.02 | CPDR 2102 | PDR | 5 | 27/09/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 5:1 | 88.999 |
| 109 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.10 | CVIC 2103 | VIC | 5 | 27/09/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 17,7758: 1 | 147.449 |
| 110 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.09 | CVNM 2105 | VNM | 5 | 27/09/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 19,4186: 1 | 115.929 |
| 111 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.05 | CKDII 2103 | KDH | 4 | 02/12/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 10:1 | 48.779 |
| 112 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.12 | CSTB 2106 | STB | 4 | 02/12/2021 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.500 | 10:1 | 35.678 |
| 113 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.07 | CHDB 2102 | HDB | 4 | 02/12/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 8,0030: 1 | 32.283 |
| 114 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.11 | CMSN 2106 | MSN | 4 | 02/12/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 20:1 | 160.779 |
| 115 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.06 | CVJC 2102 | VJC | 4 | 02/12/2021 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 25:1 | 135.555 |
| 116 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.11 | CVRE 2107 | VRE | 4 | 02/12/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 10:1 | 33.179 |
| 117 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.02 | CVPB 2105 | VPB | 4 | 02/12/2021 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.500 | 11,1039: 1 | 40.629 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|--------------|------|---|------------|------------|------------|-------|---------------|---------|
| 118 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.11 | CVIC 2106 | VIC | 7 | 27/04/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 20:1 | 98.888 |
| 119 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.08 | CVHM 2111 | VHM | 7 | 27/04/2022 | 11.300.000 | 11.300.000 | 1.000 | 20:1 | 88.888 |
| 120 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.12 | CVRE 2110 | VRE | 7 | 27/04/2022 | 9.300.000 | 9.300.000 | 1.000 | 8:1 | 29.999 |
| 121 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.10 | CVNM 2111 | VNM | 7 | 27/04/2022 | 7.000.000 | 7.000.000 | 1.100 | 19,6714: 1 | 97.263 |
| 122 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.12 | CMSN 2108 | MSN | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.600 | 16,6521: 1 | 133.216 |
| 123 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.13 | CHPG 2114 | HPG | 7 | 27/04/2022 | 17.700.000 | 17.700.000 | 1.200 | 10:1 | 56.789 |
| 124 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.03 | CPDR 2103 | PDR | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 11,7296: 1 | 65.164 |
| 125 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.07 | CNVL 2104 | NVL | 7 | 27/04/2022 | 5.400.000 | 5.400.000 | 1.300 | 15,2743: 1 | 83.160 |
| 126 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.06 | CKDH 2107 | KDII | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 8:1 | 43.888 |
| 127 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.13 | CSTB 2110 | STB | 7 | 27/04/2022 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 8:1 | 29.999 |
| 128 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.08 | CHDB 2103 | IDB | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 28.888 |
| 129 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.07 | CVIC 2103 | VJC | 7 | 27/04/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 20:1 | 129.999 |
| 130 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.12 | CVIC 2108 | VIC | 6 | 04/05/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 16:1 | 99.999 |
| 131 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.09 | CVHM 2114 | VHM | 6 | 04/05/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 16:1 | 89.999 |
| 132 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.13 | CVRE 2113 | VRE | 6 | 04/05/2021 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.400 | 4:1 | 34.999 |
| 133 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.11 | CVNM 2113 | VNM | 6 | 04/05/2021 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 15,7371: 1 | 95.199 |
| 134 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.14 | CIPG 2118 | HPG | 6 | 04/05/2021 | 8.000.000 | 8.000.000 | 2.000 | 5:1 | 61.999 |
| 135 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.02 | CMBB 2109 | MBB | 6 | 04/05/2021 | 1.200.000 | 1.200.000 | 1.100 | 5:1 | 32.789 |
| 136 | Chứng quyền. PNJ.KIS.M. CA.T.01 | CPNJ 2109 | PNJ | 6 | 04/05/2021 | 2.500.000 | 2.500.000 | 1.000 | 24,7043: 1 | 107.601 |
| 137 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.03 | CVPB 2203 | VPB | 4 | 15/07/2022 | 1.450.000 | 1.450.000 | 1.000 | 16:1 | 28.888 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|---------------|-----|---|------------|-----------|-----------|-------|---------------|---------|
| 138 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.01 | CPOW 2201 | POW | 4 | 15/07/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 16.666 |
| 139 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.16 | CIIPG 2202 | HPG | 9 | 21/09/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.100 | 7,5645: 1 | 40.764 |
| 140 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.13 | CMSN 2201 | MSN | 9 | 21/09/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 2.000 | 16,5516: 1 | 140.688 |
| 141 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.14 | CS1B 2201 | STB | 9 | 21/09/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.500 | 5:1 | 29.888 |
| 142 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.09 | CIIDB 2201 | HDB | 9 | 21/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 5:1 | 30.999 |
| 143 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.12 | CVNM 2201 | VNM | 9 | 21/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 15,2204: 1 | 85.603 |
| 144 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.13 | CVIC 2201 | VIC | 9 | 21/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.500 | 16:1 | 103.979 |
| 145 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.10 | CVIIM 2201 | VHM | 9 | 21/09/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.300 | 15,5461: 1 | 85.191 |
| 146 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.10 | CHDB 2203 | HDB | 5 | 15/08/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 5:1 | 28.888 |
| 147 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.17 | CIIPG 2206 | HPG | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 7,5645: 1 | 36.981 |
| 148 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.08 | CKDH 2204 | KDH | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 7,2690: 1 | 48.460 |
| 149 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.09 | CNVL 2202 | NVL | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 16:1 | 79.999 |
| 150 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.05 | CPDR 2202 | PDR | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 11,7296: 1 | 67.608 |
| 151 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.11 | CVHM 2205 | VHM | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 15,5461: 1 | 76.650 |
| 152 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.14 | CVIC 2202 | VIC | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 16:1 | 82.222 |
| 153 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.08 | CVIC 2201 | VIC | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 20:1 | 159.999 |
| 154 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.13 | CVNM 2203 | VNM | 5 | 15/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 19,3434: 1 | 78.448 |
| 155 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.14 | CVRE 2203 | VRE | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.600 | 4:1 | 33.979 |
| 156 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.15 | CSTB 2205 | STB | 5 | 15/08/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 8:1 | 34.567 |
| 157 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.18 | CHPG 2209 | HPG | 4 | 22/08/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 6,0516: 1 | 34.460 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|--------------|-----|----|------------|-----------|-----------|-------|---------------|---------|
| 158 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.15 | CVRE 2205 | VRE | 4 | 22/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 5:1 | 32.222 |
| 159 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.16 | CSTB 2207 | STB | 4 | 22/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 5:1 | 28.888 |
| 160 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.15 | CVIC 2204 | VIC | 4 | 22/08/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 16:1 | 83.333 |
| 161 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.14 | CMSN 2203 | MSN | 4 | 22/08/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 19,8539: 1 | 125.863 |
| 162 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.10 | CNVL 2204 | NVL | 5 | 20/09/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 16:1 | 85.999 |
| 163 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.09 | CKDH 2206 | KDH | 5 | 20/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 7,2690: 1 | 48.156 |
| 164 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.09 | CVJC 2202 | VJC | 5 | 20/09/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 20:1 | 156.789 |
| 165 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.06 | CPDR 2203 | PDR | 5 | 20/9/2022 | 2.000.000 | 2.000.000 | 1.100 | 10:1 | 65.999 |
| 166 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.15 | CHPG 2201 | HPG | 10 | 21/10/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.300 | 7,5645: 1 | 37.570 |
| 167 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.07 | CKDH 2201 | KDH | 9 | 05/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 7,2690: 1 | 55.988 |
| 168 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.04 | CPDR 2201 | PDR | 9 | 05/10/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.000 | 3,6655:1 | 83.084 |
| 169 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.08 | CNVL 2201 | NVL | 9 | 05/10/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 20:1 | 93.979 |
| 170 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.19 | CHPG 2210 | HPG | 6 | 20/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 6,0516: 1 | 36.141 |
| 171 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.16 | CVRE 2206 | VRE | 6 | 20/10/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 35.555 |
| 172 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.17 | CSTB 2208 | STB | 6 | 20/10/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 5:1 | 30.111 |
| 173 | Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.16 | CVIC 2205 | VIC | 6 | 20/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 16:1 | 86.666 |
| 174 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.11 | CHDB 2205 | HDB | 6 | 20/10/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 3,9979: 1 | 21.677 |
| 175 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.17 | CVRE 2207 | VRE | 6 | 20/10/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 8:1 | 33.333 |
| 176 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.14 | CVNM 2205 | VNM | 6 | 20/10/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 15,4747: 1 | 77.372 |
| 177 | Chứng quyền. PNJ.KIS.M.C A.T.02 | CPNJ 2202 | PNJ | 4 | 03/10/2022 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.200 | 25:1 | 99.999 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|--|--------------|------|---|------------|-----------|-----------|-------|---------------|---------|
| 178 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.03 | CMBB 2206 | MBB | 4 | 03/10/2022 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 8,3333: 1 | 18.518 |
| 179 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.04 | CVPB 2204 | VPB | 8 | 15/11/2022 | 1.450.000 | 1.450.000 | 1.000 | 10,6569: 1 | 20.573 |
| 180 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.02 | CPOW 2202 | POW | 8 | 15/11/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 17.999 |
| 181 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.01 | CTPB 2203 | TPB | 4 | 28/10/2022 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 10:1 | 22.999 |
| 182 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.14 | CHDB 2209 | HDB | 4 | 9/12/2022 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 3,1983: 1 | 21.483 |
| 183 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.23 | CHPG 2218 | HPG | 4 | 9/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.100 | 4:1 | 24.888 |
| 184 | Chứng quyền. KDII.KIS.M. CA.T.11 | CKDH 2211 | KDII | 4 | 9/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.100 | 2:1 | 40.888 |
| 185 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.18 | CMSN 2211 | MSN | 4 | 9/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.900 | 10:1 | 109.999 |
| 186 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.14 | CNVI 2209 | NVL | 4 | 9/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 10:1 | 86.868 |
| 187 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.04 | CPOW 2206 | POW | 4 | 9/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.500 | 2:1 | 14.567 |
| 188 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.21 | CSTB 2216 | STB | 4 | 9/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.700 | 2:1 | 27.979 |
| 189 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.12 | CVJC 2205 | VJC | 4 | 9/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 16:1 | 129.999 |
| 190 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.16 | CVNM 2208 | VNM | 4 | 9/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 10:1 | 75.999 |
| 191 | Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.05 | CVPB 2209 | VPB | 4 | 9/12/2022 | 1.450.000 | 1.450.000 | 1.000 | 10,6569: 1 | 17.879 |
| 192 | Chứng quyền. MWG.KIS.M. CA.T.01 | CMWG 2209 | MWG | 4 | 12/12/2022 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 20:1 | 56.999 |
| 193 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.05 | CPOW 2207 | POW | 4 | 12/12/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 14.111 |
| 194 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.20 | CHPG 2212 | HPG | 7 | 27/12/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 7,5645: 1 | 27.829 |
| 195 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.15 | CMSN 2205 | MSN | 7 | 27/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.200 | 19,8539: 1 | 113.146 |
| 196 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.11 | CNVL 2205 | NVL | 7 | 27/12/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.100 | 16:1 | 81.888 |
| 197 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.18 | CSTB 2211 | STB | 7 | 27/12/2022 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 8:1 | 23.333 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|--|---------------|-----|---|------------|-----------|-----------|-------|---------------|---------|
| 198 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.12 | CVHM 2209 | VHM | 7 | 27/12/2022 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 15,5461: 1 | 69.979 |
| 199 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.18 | CVRE 2209 | VRE | 7 | 27/12/2022 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 8:1 | 30.888 |
| 200 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.10 | CVJC 2203 | VJC | 7 | 27/12/2022 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.400 | 20:1 | 131.131 |
| 201 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.04 | CMBB 2207 | MBB | 7 | 05/01/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 8,3333: 1 | 19.547 |
| 202 | Chứng quyền. PNJ.KIS.M.C A.T.03 | CPNJ 2203 | PNJ | 7 | 03/01/2023 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.300 | 18,5090: 1 | 81.439 |
| 203 | Chứng quyền. IIDB.KIS.M. CA.T.12 | CHDB 2206 | HDB | 7 | 03/01/2023 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 6,3966: 1 | 23.986 |
| 204 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.13 | CVIIM 2210 | VHM | 7 | 03/01/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 16:1 | 79.999 |
| 205 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.12 | CNVL 2206 | NVL | 7 | 03/01/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 16:1 | 83.999 |
| 206 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.16 | CMSN 2206 | MSN | 4 | 03/01/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 19,8539: 1 | 132.359 |
| 207 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.21 | CHPG 2214 | IPG | 7 | 03/01/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 7,5645: 1 | 28.744 |
| 208 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.19 | CSTB 2213 | STB | 4 | 03/01/2023 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.000 | 8:1 | 24.444 |
| 209 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.07 | CPDR 2204 | PDR | 7 | 03/01/2023 | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.000 | 16:1 | 57.979 |
| 210 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.09 | CPDR 2206 | PDR | 5 | 01/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 51.888 |
| 211 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.16 | CVHM 2217 | VHM | 5 | 01/03/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 10:1 | 51.999 |
| 212 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.25 | CIIPG 2224 | HPG | 5 | 01/03/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 22.222 |
| 213 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.22 | CSTB 2222 | STB | 5 | 01/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 4:1 | 20.222 |
| 214 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.23 | CSTB 2223 | STB | 5 | 01/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 4:1 | 21.111 |
| 215 | Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.05 | CMBB 2212 | MBB | 5 | 01/03/2023 | 1.260.000 | 1.260.000 | 1.000 | 10:1 | 17.777 |
| 216 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.21 | CVRE 2218 | VRE | 5 | 01/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 5:1 | 27.888 |
| 217 | Chứng quyền. MWG.KIS.M .CA.T.02 | CMWG 2210 | MWG | 7 | 10/3/2023 | 1.300.000 | 1.300.000 | 1.000 | 20:1 | 58.999 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|--------------|-----|---|------------|------------|------------|-------|---------------|---------|
| 218 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.15 | CHDB 2210 | HDB | 7 | 10/3/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 3,9979: 1 | 23.098 |
| 219 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.24 | CHPG 2219 | HPG | 7 | 10/3/2023 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.000 | 5:1 | 26.888 |
| 220 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.19 | CMSN 2212 | MSN | 7 | 10/3/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.100 | 20:1 | 112.233 |
| 221 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.15 | CNVL 2210 | NVL | 7 | 10/3/2023 | 6.000.000 | 6.000.000 | 1.100 | 16:1 | 88.888 |
| 222 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.15 | CVHM 2213 | VHM | 7 | 10/3/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 16:1 | 63.979 |
| 223 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.13 | CVJC 2206 | VJC | 7 | 10/3/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.300 | 20:1 | 132.999 |
| 224 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.17 | CVNM 2209 | VNM | 7 | 10/3/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 15,7189: 1 | 75.537 |
| 225 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.20 | CVRE 2213 | VRE | 7 | 10/3/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 5:1 | 31.999 |
| 226 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.12 | CKDH 2212 | KDH | 7 | 10/3/2023 | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000 | 8:1 | 41.999 |
| 227 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.06 | CPOW 2208 | POW | 7 | 10/3/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 15.222 |
| 228 | Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.02 | CTPB 2204 | TPB | 9 | 28/03/2023 | 1.500.000 | 1.500.000 | 1.000 | 9,0119: 1 | 21.528 |
| 229 | Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.13 | CHDB 2208 | HDB | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 3,9979: 1 | 19.189 |
| 230 | Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.22 | CHPG 2215 | HPG | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 10:1 | 22.999 |
| 231 | Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.10 | CKDH 2209 | KDH | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.200 | 7,2690: 1 | 36.344 |
| 232 | Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.17 | CMSN 2209 | MSN | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.400 | 19,8539: 1 | 111.413 |
| 233 | Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.13 | CNVL 2208 | NVL | 9 | 28/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.200 | 16:1 | 79.999 |
| 234 | Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.08 | CPDR 2205 | PDR | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.000 | 16:1 | 52.999 |
| 235 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.03 | CPOW 2204 | POW | 9 | 28/03/2023 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.000 | 5:1 | 13.979 |
| 236 | Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.20 | CSTB 2215 | STB | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.100 | 5:1 | 22.222 |
| 237 | Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.14 | CVHM 2211 | VHM | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 16:1 | 64.999 |

| | | | | | | | | | | |
|-----|---------------------------------------|--------------|-----|---|------------|------------|------------|-------|---------------|---------|
| 238 | Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.11 | CVJC 2204 | VJC | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.500 | 20:1 | 133.979 |
| 239 | Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.15 | CVNM 2207 | VNM | 9 | 28/03/2023 | 4.000.000 | 4.000.000 | 1.100 | 15,2029: 1 | 67.462 |
| 240 | Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.19 | CVRE 2211 | VRE | 9 | 28/03/2023 | 10.000.000 | 10.000.000 | 1.000 | 8:1 | 28.888 |
| 241 | Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.07 | CPOW 2209 | POW | 8 | 10/4/2023 | 8.000.000 | 8.000.000 | 1.000 | 4:1 | 16.333 |

3. Tình hình tài chính (Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty).

- Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định.
- Tổng dư nợ vay giao dịch ký quỹ: 4.750.571.793.882 đồng.
- Tổng giá trị các khoản cho vay: 4.927.598.705.290 đồng (bao gồm cả khoản cho vay giao dịch ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng).
- Tổng nợ phải trả: 3.940.034.800.933 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.761.579.550.000 đồng.
- Tổng nguồn vốn: 8.773.962.146.328 đồng.
- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|-------------------|-------------------|
| Chỉ tiêu về an toàn tài chính | | |
| - Giá trị vốn khả dụng (đồng) | 4.373.070.903.327 | 4.449.252.012.596 |
| - Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (đồng) | 643.901.846.672 | 876.529.930.140 |
| - Tỷ lệ vốn khả dụng: | | |
| <u>Giá trị vốn khả dụng</u> | 679% | 508% |
| Tổng rủi ro | | |
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 196,7% | 214,4% |
| - Hệ số thanh toán nhanh: | | |
| <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> | 196,7% | 214,4% |
| Nợ ngắn hạn | | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 52,6% | 44,9% |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 104,9% | 81,5% |

| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
|---|-------|------|
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 18,1% | 5,0% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 11,6% | 3,1% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 5,5% | 1,7% |
| - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 23,4% | 6,2% |
| - Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng) | 1.692 | 396 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty)

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

- Tên chứng quyền: Chứng quyền.VPB.KIS.M.CA.T.09.
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB.
- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Loại chứng quyền: Mua.
- Kiểu chứng quyền: châu Âu.
- Phương thức thanh toán thực hiện quyền: Tiền.
- Thời hạn: 9 tháng.
- Ngày đáo hạn: 9 tháng kể từ ngày chào bán.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1.
- Giá thực hiện: Bằng hoặc cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày thông báo phát hành.
- Khoảng giá chào bán dự kiến: 1.000 - 1.100 đồng/chứng quyền.
- Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: 2.000.000 chứng quyền.
- Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán: 2.200.000.000 đồng.
- Tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 1.100.000.000 đồng.
- Công ty áp dụng mô hình Black-Scholes để có giá chào bán của chứng quyền:

$$C = \frac{N(d_1) \times S - N(d_2) \times X \times e^{-rT}}{k}$$

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá chào bán của chứng quyền mua (đồng);

N(d₁), N(d₂): Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền (đồng);

S: Giá chứng khoán cơ sở (đồng);

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm, là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/ 365;

r: Lãi suất phi rủi ro tính theo năm, là lãi suất trái phiếu chính phủ (%);

σ : Độ biến động kỳ vọng tính theo năm của giá chứng khoán cơ sở (%);

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

- Các tham số định giá chào bán chứng quyền trong mô hình Black-Scholes tại ngày tính toán 15/08/2023:

| Tham số | Giá trị |
|---|--|
| Giá chứng khoán cơ sở (S) (đồng) | 22.000 |
| Giá thực hiện (X) (đồng) | Bằng hoặc cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày thông báo phát hành |
| Thời hạn của chứng quyền (T) | 0,75 |
| Lãi suất phi rủi ro (r) | 1,9868% |
| Độ biến động kỳ vọng thấp nhất (σ) | 19,40% |
| Độ biến động kỳ vọng cao nhất (σ) | 70,90% |
| Tỷ lệ chuyển đổi (k) | 4 |

- Giải thích các tham số định giá chào bán chứng quyền trong mô hình Black-Scholes:

+ Giá chứng khoán cơ sở (S): Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.

+ Giá thực hiện (X): Là mức giá tương đương việc nhà đầu tư được quyền mua chứng khoán cơ sở khi chứng quyền đáo hạn.

+ Thời hạn của chứng quyền (T): Được tính dựa trên thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm. Ví dụ Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.01 được chào bán vào ngày 11/06/2019 và đáo hạn vào ngày 11/12/2019, 2 thời điểm này cách nhau 183 ngày và $T = 183/365 \approx 0,5$.

+ Lãi suất phi rủi ro (r): Là lợi suất gần nhất của Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 1 năm tại ngày tính toán (Nguồn: website Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

+ Độ biến động kỳ vọng thấp nhất và cao nhất (σ): Độ biến động kỳ vọng được ước tính dựa trên độ lệch chuẩn (độ biến động lịch sử) của tỷ suất sinh lợi theo ngày của giá chứng khoán cơ sở trong vòng 1 năm gần nhất tính đến ngày tính toán. Dựa trên ước tính về độ biến động kỳ vọng thấp nhất và cao nhất, Công ty đưa ra mức giá chào bán thấp nhất và cao nhất tương ứng với từng mức biến động. Công thức tính độ biến động lịch sử của tỷ suất sinh lợi của giá chứng khoán cơ sở như sau:

$$r_i = \ln\left(\frac{P_{i+1}}{P_i}\right)$$

$$m = \frac{\sum_{i=1}^n r_i}{n}$$

$$a = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (r_i - m)^2}{n - 1}}$$

$$\sigma_{his} = a\sqrt{t}$$

Trong đó:

P_i : Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm i ;

n : Số lượng các thời điểm lấy dữ liệu;

t : Số ngày giao dịch trong năm, Công ty áp dụng $t = 250$;

σ_{his} : Độ biến động lịch sử trong thời kỳ t .

↳ Tỷ lệ chuyển đổi (k): Ví dụ tỷ lệ chuyển đổi là 2:1 ($k = 2$), nghĩa là 2 chứng quyền tương đương với 1 chứng khoán cơ sở.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB.
- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Lĩnh vực hoạt động chính: Tài chính và bảo hiểm, trung gian tín dụng và các hoạt động liên quan.
- Ngày niêm yết: 03/02/2009.
- Nơi niêm yết: Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Kết quả hoạt động kinh doanh:

| Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng) | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm | Bán niên/2023 |
|---|----------|----------|-------------|------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 547.409 | 631.013 | 15,3% | 739.762 |
| Vốn chủ sở hữu | 35.532 | 42.904 | 20,7% | 47.748 |
| Doanh thu thuần | 63.605 | 82.994 | 30,5% | 45.939 |
| Thuế và các khoản phải nộp | 2.887 | 4.311 | 49,3% | 1.060 |
| Lợi nhuận trước thuế | 14.364 | 21.220 | 47,7% | 5.162 |
| Lợi nhuận sau thuế | 11.477 | 16.909 | 47,3% | 4.102 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | 14,09% | 18,01% | 27,82% | 10,35% |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của VPB, Bloomberg)

- Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 02 năm gần nhất:

| Các chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|----------|----------|
| I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | | |

| | | |
|---|--------|--------|
| - Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 84,2% | 83,6% |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 534,5% | 509,7% |
| 3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 18,0% | 20,4% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 13,3% | 16,3% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 2,1% | 2,7% |
| - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 22,6% | 25,6% |
| - Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng) | 1.765 | 2.718 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính của VPB. Bloomberg)

- Thông tin giao dịch (tính đến ngày 15/08/2023) (Nguồn: Bloomberg):
- + Giá trị vốn hóa: 147.690 tỷ đồng.
- + Khối lượng khớp lệnh trung bình trong 6 tháng gần nhất: 15.508.186 cổ phiếu/phiên.
- + Giá điều chỉnh cao nhất trong 26 tuần: 22.150 đồng.
- + Giá điều chỉnh thấp nhất trong 26 tuần: 16.700 đồng.
- + Chỉ số giá/thu nhập (P/E): 12,7.
- + Giá đóng cửa điều chỉnh của ngày giao dịch cuối cùng của 6 tháng gần nhất:

| Tháng | 02/2023 | 03/2023 | 04/2023 | 05/2023 | 06/2023 | 07/2023 |
|------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Giá (nghìn đồng) | 17,05 | 21,05 | 19,90 | 19,30 | 19,85 | 22,15 |

3. Thời gian dự kiến đăng ký mua chứng quyền trong đợt phân phối

Dự kiến trong vòng 05 ngày làm việc tính từ ngày chào bán chứng quyền.

4. Đăng ký mua chứng quyền trong đợt phân phối

a) Hồ sơ đăng ký mua chứng quyền

• Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- + 02 bản chính Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm theo mẫu tại Phụ lục số 05 đính kèm Quy trình này;
- + 01 bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi;
- + 01 bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;
- + 01 Giấy ủy quyền (nếu có);
- + 01 bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSD và Hộ chiếu (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);
- + 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

• **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

+ 02 bản chính Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm theo mẫu tại Phụ lục số 05 đính kèm Quy trình này;

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ 01 bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có);

+ 01 bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi;

+ 01 bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật;

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức;

+ 01 bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSD (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);

+ 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

b) Thủ tục đăng ký mua chứng quyền

- Bước 1: Nhà đầu tư tìm hiểu về thông tin về đợt phát hành trên website của Công ty (www.kisvn.vn) hoặc đến trực tiếp sàn giao dịch của Công ty để được hướng dẫn trực tiếp.

- Bước 2: Nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua chứng quyền theo hướng dẫn của bộ phận Nghiệp vụ của Công ty.

- Bước 3: Sau khi hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng quyền bằng cách nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn của bộ phận Nghiệp vụ của Công ty. Tiền thanh toán mua chứng quyền được chuyển vào tài khoản:

Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Số tài khoản: 1191 0000 886602.

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời hạn phân phối chứng quyền, Công ty sẽ thông báo kết quả đăng ký mua của nhà đầu tư thông qua SMS hoặc Email.

- Bước 5: Công ty tiến hành đăng ký lưu ký chứng quyền vào tài khoản của nhà đầu tư. Sau khi hoàn tất thủ tục lưu ký và đăng ký niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch chính thức trên sàn niêm yết.

5. Thực hiện chứng quyền

a) Nguyên tắc thực hiện chứng quyền

- Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi (ITM).
- Công ty gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
- Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ hai (02) sau ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
- Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ năm (05) kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi giá thanh toán lớn hơn giá thực hiện, được tính theo công thức $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$. Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

b) Trình tự thực hiện chứng quyền

- Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Công ty, VSD lập và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán và các thành viên lưu ký thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- Chậm nhất vào 9 giờ ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký.
- Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin người sở hữu chứng quyền trong danh sách do VSD cung cấp với thông tin của thành viên lưu ký và gửi cho VSD thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11 giờ 00 ngày làm việc liền kề sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong danh sách.
- Vào ngày làm việc thứ hai (02) sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
- Công ty phải gửi thông báo xác nhận danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSD chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba (03) sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được thông báo xác nhận của Công ty, VSD gửi văn bản thông báo cho thành viên lưu ký có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
- Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, Công ty phải chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSD.
- Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản của thành viên lưu ký liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. Thành viên

lưu lý chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.

- Trường hợp Công ty thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của tổ chức phát hành, VSD gửi thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán và các thành viên lưu ký về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

c) Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký.

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do Công ty đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán hoặc giá mua lại chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền.

- Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực. Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thị trường hoặc giá được công bố theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

7. Điều chỉnh chứng quyền

- Công ty phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...

- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- + Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.

+ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ × (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

+ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ × (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.

- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.

8.1. Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Theo Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ tài chính về Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Thông tư 101/2021/TT-BTC của Bộ tài chính về Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các Tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư phải trả các khoản phí khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền × Số lượng chứng quyền đăng ký mua.

- Phí môi giới tại Công ty.

- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,018% trên giá trị giao dịch.

- Phí lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam: 0,27 đồng/chứng quyền/tháng.

8.2. Biểu thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

a) Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

+ Đối tượng:

Tất cả các nhà đầu tư cá nhân bao gồm cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài có giao dịch chứng quyền có bảo đảm (bao gồm cả giao dịch chuyển nhượng chứng quyền, chứng quyền bị hủy niêm yết và thực hiện quyền).

+ Mức thu:

Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần × với thuế suất 0,1%.

Trong đó:

+ Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán \times Số lượng chứng quyền.

+ **Trường hợp trước ngày đáo hạn chứng quyền bị hủy niêm yết, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần được xác định như sau:**

- Trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường \times Số lượng chứng quyền.

- Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố \times Số lượng chứng quyền.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có chứng khoán cơ sở là cổ phiếu A với giá 1.400 đồng/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 đồng.

- Nếu nhà đầu tư thực hiện bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

- Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành chứng quyền công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

+ **Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:**

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần = Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở \times (Số lượng chứng quyền chia (:)) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Ví dụ 2: Tương tự các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của chứng khoán cơ sở A do Sở giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là: $155.000 \times (100 : 10) \times 0,1\% = 1.550$ đồng.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với doanh nghiệp trong nước

+ **Đối tượng:** Nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm.

+ **Mức thu:** Thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm phải được doanh nghiệp kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

c) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài)

+ **Đối tượng:** Tổ chức nước ngoài là nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm (bao gồm cả giao dịch chuyển nhượng chứng quyền, chứng quyền bị hủy niêm yết và thực hiện quyền).

+ **Mức thu:**

Thuế TNDN = Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần \times với thuế suất 0.1%

Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN.

d) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế: là thời điểm nhà đầu tư (bao gồm tổ chức, cá nhân) chuyển nhượng chứng quyền trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 02/03/2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có nghĩa vụ tạo lập thị trường nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền của Công ty phát hành, cụ thể:

a) Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Công ty phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất) / giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, Công ty phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

b) Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Công ty không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số hợng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Công ty được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Công ty được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Công ty được miễn đặt lệnh mua;

- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Công ty được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Công ty được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...;
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền là một chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với Công ty. Để quản trị rủi ro hiệu quả, Công ty thực hiện các bước sau:

Bước 1: Nhận diện rủi ro đối với chứng quyền

Các rủi ro thường gặp đối với Công ty khi phát hành chứng quyền:

- Rủi ro thanh toán: Rủi ro khi Công ty không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như Công ty bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện chứng quyền.
- Rủi ro thị trường: Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền và giá của chứng khoán cơ sở.
- Rủi ro pháp lý: Rủi ro khi Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
- Rủi ro hoạt động: Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ hacker đánh sập hệ thống công nghệ thông tin), nhân viên (lừa đảo, sai sót do cố tình hoặc vô tình), tài sản vốn, các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh....).

Bước 2: Phân tích rủi ro

Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, từng phòng ban liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động. Trên cơ sở đó sẽ phân loại và xếp hạng từng loại rủi ro để có những biện pháp xử lý phù hợp.

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp Công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.

Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể luôn được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động khắc phục phù hợp.

Định kỳ, Phòng Quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo Ban Giám đốc.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

- Mục đích phòng ngừa rủi ro: để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra.

- Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

+ Phòng Chứng khoán phái sinh trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro theo phương án đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có trách nhiệm báo cáo Ban Giám đốc và Phòng Quản trị rủi ro về vị thế phòng ngừa rủi ro vào cuối ngày. Ngoài ra, khi xảy ra những sự việc ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro, Phòng Chứng khoán phái sinh có trách nhiệm báo cáo Ban Giám đốc ngay lập tức và phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm khắc phục và đưa ra giải pháp cho vấn đề phát sinh.

+ Nhân sự trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

| STT | Họ tên | Phòng ban | Chứng chỉ hành nghề | Số năm kinh nghiệm |
|-----|----------------|---------------------|---------------------------|--------------------|
| 1 | Hoàng Anh Việt | Giải pháp phái sinh | Quản lý Quỹ số 001692/QLQ | 9 năm |

+ Phòng Quản trị rủi ro thực hiện giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của Phòng Chứng khoán phái sinh nhằm kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra khi phát hành chứng quyền và báo cáo Ban Giám đốc.

+ Phòng Kiểm soát nội bộ thực hiện việc giám sát việc thực hiện đúng quy trình và đề xuất những giải pháp để hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ.

+ Ban Giám đốc thực hiện tổ chức, giám sát và hỗ trợ các hoạt động của tất cả phòng ban liên quan đến hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

- Nguyên tắc thực hiện tổng quát: Công ty áp dụng phương án phòng ngừa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, Công ty sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở theo nguyên tắc sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI}/k$$

$$\text{Delta} = N(d_1)$$

P: Số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

OI: Số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta của chứng quyền mua được tính dựa trên mô hình Black-Scholes.

- Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:
- + Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.
- + Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

- Ví dụ minh họa phương án phòng ngừa rủi ro Delta: Giả sử chứng quyền mua A có giá thực hiện là 33.000 đồng, lãi suất phi rủi ro là 4,3%; tỷ lệ chuyển đổi 2:1; thời gian đáo hạn còn 90 ngày, Công ty nắm giữ chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro theo bảng sau:

| Thời gian | Giá chứng khoán cơ sở | Độ biến động | Delta | Số lượng chứng quyền đang lưu hành | Số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ | Thay đổi của số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ |
|-----------|-----------------------|--------------|-------|------------------------------------|------------------------------------|---|
| 9h20 | 28.300 | 33% | 21,7% | 100.000 | 10.850 | - |
| 9h25 | 28.100 | 32% | 19,6% | 110.000 | 10.780 | -70 |
| 9h30 | 28.400 | 35% | 23,9% | 90.000 | 10.755 | -25 |
| 9h40 | 28.900 | 40% | 30,5% | 120.000 | 18.300 | 7.545 |

3. Đánh giá rủi ro trong trường hợp hết room cổ phiếu đối với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm là tổ chức nước ngoài

- Dựa trên văn bản số 13385/VSD-LK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS Việt Nam), tài khoản tự doanh của KIS Việt Nam đã được chuyển đổi từ tài khoản tự doanh trong nước cũ là 057P000001, sang tài khoản tự doanh nước ngoài mới là 057FCB5693 từ ngày 28/09/2018. Do đó, KIS Việt Nam đã nhận diện, đánh giá rủi ro và đưa ra phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền như sau:

+ Nhận diện và đánh giá rủi ro: Rủi ro xảy ra khi room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền. Rủi ro này khiến cho KIS Việt Nam không thể thực hiện phòng ngừa rủi ro khi không thể mua vào cổ phiếu cơ sở của chứng quyền đã phát hành và KIS Việt Nam không thể đáp ứng được quy định

về hoạt động phòng ngừa rủi ro hiện hành của cơ quan quản lý và phương án phòng ngừa rủi ro đã được chấp thuận.

+ Kiểm soát rủi ro: Để kiểm soát rủi ro này, KIS Việt Nam lựa chọn cổ phiếu cơ sở như sau:

- Cổ phiếu cơ sở có tỷ lệ (Số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua / Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng) cao hơn 10% vào thời điểm tính toán.
- Cổ phiếu cơ sở không có thông tin sự kiện doanh nghiệp liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trong tương lai gần mà có thể tác động lên room nước ngoài của cổ phiếu cơ sở đó.

- Cổ phiếu cơ sở có số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cao hơn nhiều lần số lượng chứng khoán cơ sở phù hợp với vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết mà KIS Việt Nam phải mua với giá định là khi chứng quyền phát hành trong trạng thái có lãi, kể cả khi hệ số delta của chứng quyền mua là 1, dựa trên công thức đã nêu trong phương án phòng ngừa rủi ro đã gửi cơ quan quản lý.
- + Phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột:
 - KIS Việt Nam sẽ gửi công văn giải trình đến các cơ quan quản lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro.
 - KIS Việt Nam sẽ nạp tiền vào tài khoản tự doanh dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro tương ứng với số tiền chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và phòng ngừa rủi ro thực tế.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

- Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán: Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 16/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003.
- Địa chỉ trụ sở chính: 66 Phố Đức Chính, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

- Tên tổ chức kiểm toán: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
- Địa chỉ: 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267
- Website: www.home.kpmg/vn/vi/home.html

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Chúng tôi cam kết không phải là người có liên quan với tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và ngân hàng lưu ký.

X. CAM KẾT

Công ty cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XI. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

| | |
|---|--|
| <p>TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2023</p> <p>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</p> <p>TỔNG GIÁM ĐỐC</p>  <p>PARK WON SANG</p> | <p>TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2023</p> <p>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p>HOÀNG VĂN SƠN</p> |
|---|--|